

ICL SPORTS 2022 MENS DIVISION SOFTBALL H2H

ICL Men's A Division Thursdays

Team		A		B		C		D		E		A2		B2		C2		D2		E2		A3		B3		C3		D3		E3		A4	
		RF	RA	RF	RA	RF	RA	RF	RA	RF	RA	RF	RA	RF	RA	RF	RA	RF	RA	RF	RA	RF	RA	RF	RA	RF	RA	RF	RA	RF	RA	RF	RA
A	Crossroads Community #5			27	4	15	13	5	17	4	10			13	18	4	14	30	18	11	4					9	11					6	7
B	Calvary Chapel	4	27			7	14	7	21	11	18	18	13			1	11	2	12	7	14							5	29	3	16		
C	Calvary Chapel North Thurston	13	15	14	7			7	17	7	9	14	4	11	1			10	6			11	9									7	6
D	Yelm Prairie Christian Ctr. #2	17	5	21	7	17	7			18	15	18	30	12	2	6	10			21	11			29	5					6	16		
E	St.Michael Parish	10	4	18	11	9	7	15	18			11	4	14	7			11	21					16	3			16	6				

ICL Men's B Division Fridays

Team		A		B		C		D		E		A2		B2		C2		D2		E2		A3		B3		C3		D3		E3		A4	
		RF	RA	RF	RA	RF	RA	RF	RA	RF	RA	RF	RA	RF	RA	RF	RA	RF	RA	RF	RA	RF	RA	RF	RA	RF	RA	RF	RA	RF	RA	RF	RA
A	Westwood Baptist Church			8	15	2	13	14	4	8	18			8	4	14	12	11	8	10	11					13	15					11	10
B	Emmanuel Bible Fellowship	15	8			9	15	14	10	16	17	4	8			3	13	8	7	11	17									18	19		
C	Hope Community Covenant	13	2	15	9			13	7	17	9	12	14	13	3			13	13	16	6	15	13									10	11
D	Lake City Community	4	14	10	14	7	13			3	22	8	11	7	8	13	13			4	19									12	15		
E	Grace Community Covenant	18	8	17	16	9	17	22	3			11	10	17	11	6	16	19	4					19	18			15	12				

ICL Men's C Division Fridays

Team		A		B		C		D		A2		B2		C2		D2		A3		B3		C3		D3		A3		B3		C3		D3	
		RF	RA	RF	RA	RF	RA	RF	RA	RF	RA	RF	RA	RF	RA	RF	RA	RF	RA	RF	RA	RF	RA	RF	RA	RF	RA	RF	RA	RF	RA	RF	RA
A	Olympia CRC			14	10	12	9	15	20					10	11	17	9							15	20							5	21
B	Mountain View Church	10	14			12	5	14	10					19	5	7	0					7	24	14	5								
C	Westminster Presbyterian	9	12	5	12			5	7	11	10	5	19			6	16			24	7			7	20							1	14
D	Crossroads Community # 6	20	15	10	14	7	5			9	17	0	7	16	6			20	15	5	14	20	7			21	5			14	1		

REPORTED
DID NOT REPORT
FORFEIT
CONFLICT or LATE REPORT

Men's A Division/Team Statistics

GP	RF	RA	W	L	T	%RF	%RA
10	124	109	4	6	0	22%	20%
10	65	175	1	9	0	11%	32%
9	94	68	6	3	0	17%	13%
10	165	108	7	3	0	29%	20%
9	120	81	7	2	0	21%	15%
9	568	541					

Men's B Division/Team Statistics

GP	RF	RA	W	L	T	%RF	%RA
10	99	100	5	5	0	18%	19%
9	98	114	3	6	0	18%	21%
10	137	76	7	2	1	25%	14%
9	68	129	0	8	1	12%	24%
10	153	115	8	2	0	28%	22%
30	555	534					

Men's B Division/Team Statistics

GP	RF	RA	W	L	T	%RF	%RA
7	88	100	3	4	0	23%	26%
7	83	63	5	2	0	22%	16%
9	73	117	2	7	0	19%	30%
10	142	106	6	4	0	37%	27%
33	386	386					

18 Teams	RF	RA
Men's Total Run Count	1509	1461